

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33 /2018/DS – ST

Ngày: 10/7/2018

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Bá Tùng.

2. Bà Nguyễn Thị Thọ

Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sanh- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2018/TLST- HNGĐ ngày 26/02/2018 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Trần Văn N, sinh năm 1964

- ***Bị đơn:*** Bà Lê Thị Nh , sinh năm 1964

Cùng HKTT và trú tại: Số A, phường N, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Ông N, bà Nh đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1].- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2018, quá trình hòa giải tại Tòa án nguyên đơn trình bày:*

Ông Trần Văn N và bà Lê Thị Nh tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 có tổ chức đám cưới, tuy nhiên đến năm 1997 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường H , thành phố B theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/01/1997.

Sau khi kết hôn ông bà sống chung tại địa chỉ Số A, phường N, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vợ chồng sống chung không thật sự hạnh phúc nguyên nhân là do không có sự phù hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, thiếu sự quan tâm và đồng cảm với nhau. Ông N và bà Nh cũng đã cố gắng tìm mọi cách để giải quyết mâu thuẫn, vì con cái để duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến năm 2014, ông N, bà Nh sống ly thân nhau, bà Nh đi làm ăn xa và thường xuyên vắng nhà, thỉnh

thoảng có ghé về thăm các con rồi lại đi. Đến nay ông N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Nh.

- Về con chung: Ông N bà Nh có 03 con chung là Trần N , sinh ngày 14/8/1998, Trần A và Trần K, sinh đôi ngày 23/7/2004. Cháu Trần N đã trưởng thành nên ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo nguyện vọng của cháu A và cháu K, ông N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu A và cháu K đến tuổi trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu bà Nh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà Nh tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2].-*Về ý kiến của bị đơn bà Lê Thị Nh:*

Theo đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 15/6/2018 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường N, bà Lê Thị Nh trình bày: Bà thừa nhận đã nhận được thông tin khởi kiện của ông Trần Văn N. Theo bà sau khi chung sống với ông N thì vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2014. Trong thời gian ly thân bà thường phải đi làm ăn xa không thường xuyên về nhà để tìm cách hàn gắn gia đình nên bà đề nghị Tòa án xét xử theo đơn yêu cầu ly hôn của ông N. Về con chung, tài sản chung, nợ chung bà Nh không có ý kiến.

[3].-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:*

-Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn bà Lê Thị Nh và nguyên đơn Trần Văn N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

Vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng thời hạn xét xử theo quy định.

-Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn N.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Trần A và Trần K, sinh đôi ngày 23/7/2004 cho ông N tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông N tự nguyện không yêu cầu bà Nh cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa ông N và bà Nh là tranh chấp ly hôn, bị đơn hiện đang sinh sống tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn là ông N và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

-Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn N và bà Lê Thị Nh tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm cả hai không tìm được tiếng nói chung, thiếu sự quan tâm và đồng cảm với nhau. Ông bà cũng đã cố gắng tìm mọi cách để giải quyết mâu thuẫn, vì con cái để duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng không cải thiện được mà tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến năm 2014 thì ông N, bà Nh sống ly thân. Ông N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Nh. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ông bà tại nơi ông bà sinh sống ở Số A, phường N, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì được biết ông N và bà Nh đã không còn chung sống với nhau từ năm 2014, bà Nh hiện nay đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có ghé nhà thăm các con rồi lại đi chứ không còn ở chung với ông N. Bà Nh có đơn đồng ý ly hôn với ông N. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông N và bà Nh đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho ông N được ly hôn với bà Nh.

[2] Về con chung: Cháu Trần N đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần A và Trần K đến tuổi trưởng thành hoàn toàn tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của các con. Xét từ khi ông bà ly thân đến nay các cháu cũng đang ở với ông N nên cần chấp nhận giao cháu Trần A và Trần K cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét việc ông N không yêu cầu bà Nh cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận. Trường hợp ông N có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ xem xét thành vụ án dân sự khác.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông bà có yêu cầu sẽ xem xét thành vụ án khác.

[4] Về án phí: Ông N nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N đối với bà Lê Thị Nh về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Văn N được ly hôn với bà Lê Thị Nh .
2. Về con chung: Cháu Trần N sinh ngày 14/8/1998 đã trưởng thành. Theo nguyện vọng của con, giao cháu Trần A và Trần K, cùng sinh ngày 23/7/2004 cho ông N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn N về việc không yêu cầu bà Lê Thị Nh cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị Nh được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình: Ông Trần Văn N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Thủy đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000848 ngày 26/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy ông N đã nộp xong án phí hôn nhân gia đình.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THA thành phố Bà Rịa;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lý Thị Lệ Thủy

